

Số: 21/BC7N-TTBVTV

Quảng Trị, ngày 24 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 22 tháng 5 năm 2023 đến ngày 28 tháng 5 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 32⁰C Cao nhất: 39⁰C Thấp nhất: 29⁰C

Độ ẩm trung bình: 70% Cao nhất: 80% Thấp nhất: 60%

Thời tiết trong kỳ phổ biến ngày trời nắng nóng, chiều tối có mưa dông rải rác.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cây (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Đông Xuân 2022-2023	Sớm	Gieo	1.000	-
	Chính vụ	Làm đất - gieo	4.420	-
	Muộn	Làm đất	-	-
	Tổng		5.420	-

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Cây sắn	Phát triển thân lá	10.690
- Cây ngô	Thu hoạch	3.900
- Cây lạc	Thu hoạch	3.000
- Cây công nghiệp:		
Hồ tiêu	Phát triển quả	2.153,6
Cao su	Phát triển thân lá - khai thác	18.800,7
Cà phê	Phát triển quả	3.942,8

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai trong kỳ: Không.

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Trên cây lúa: Các địa phương đã thu hoạch xong vụ Đông Xuân, đang triển khai gieo sạ lúa Hè Thu, diện tích lúa đã gieo hơn 5.400 ha. Các đối tượng như chuột, rầy các loại,... tồn tại trên cỏ dại.

2. Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng DTN 218 ha (giảm 15 ha so với kỳ trước), tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 15-20%; bệnh chết chậm DTN 149 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 3-10%, nơi cao 15-20%; bệnh đốm lá DTN 95 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, cao 15-20%; bệnh chết nhanh DTN 23 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 1-5%; bệnh thán thư DTN 157 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 3-5%, nơi cao 15-20%; rệp sáp DTN 51 ha, tỉ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 15%.

3. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại DTN như kỳ trước: Rệp các loại DTN 250 ha trong đó hại nặng 10 ha, tỉ lệ hại phổ biến 5-10%, nơi cao 60%. Bệnh khô cành DTN 745 ha trong đó hại nặng 65 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 10-15%, nơi cao 60-70%. Bệnh thán thư DTN 570 ha trong đó hại nặng 60 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 15-20%, nơi cao 70%. Bệnh gỉ sắt DTN 370 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 15-20%, nơi cao 50%.

4. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ DTN 119 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 15%. Bệnh loét sọc mặt cạo DTN 180 ha trong đó nhiễm nặng 6 ha, tỉ lệ bệnh phổ biến 5-10%, nơi cao 30%.

5. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus DTN 99 ha, trong đó hại nặng 8 ha, tỷ lệ bệnh phổ biến 10 - 15%, nơi cao 50 - 60%. Bọ phấn trắng diện tích nhiễm 15 ha, tỷ lệ hại 10-20%, nơi cao 40-50%. Ngoài ra, bệnh chổi rồng, nhện đỏ, rệp sáp bột hồng gây hại rải rác.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

1.1. Trên cây lúa: Rầy các loại tiếp tục tồn tại trên có dại. Chuột, ốc bươu vàng có thể phát sinh gây hại trên lúa mới gieo.

1.2. Trên cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm, chết nhanh, rệp, tuyến trùng... tiếp tục gây hại nhiều nơi, có thể hại nặng các vườn bị bệnh, vùng ô dịch.

1.3. Trên cây cà phê: Các đối tượng dịch hại như: Bệnh khô cành, thán thư, gỉ sắt, rệp sáp, rệp vảy... tiếp tục gây hại nhiều nơi, hại nặng trên các vườn cà phê già cỗi, các vườn không chú trọng công tác phòng trừ.

1.4. Trên cây cao su: Bệnh xì mũ, loét sọc mặt cạo tiếp tục phát sinh gây hại nhiều nơi.

1.5. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus, bọ phấn, nhện đỏ, rệp sáp bột hồng... tiếp tục phát sinh gây hại.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

2.1. Trên cây lúa:

- Khẩn trương vệ sinh đồng ruộng, làm đất kỹ kết hợp bón vôi, chế phẩm phân hủy gốc rạ để khử độc cho đất, tiêu diệt mầm mống sâu bệnh; kịp thời gieo cấy đảm bảo theo lịch thời vụ đề ra.

- Tăng cường diệt chuột, ốc bươu vàng để hạn chế chuột và ốc bươu vàng gây hại trên lúa mới gieo.

2.2. Trên cây hồ tiêu: Tăng cường chăm sóc, bổ sung dinh dưỡng cho cây thời kỳ nuôi quả. Kiểm tra, xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng, rệp sáp, bệnh chết chậm, chết nhanh...

2.3 Trên cây cà phê: Xử lý thuốc để phòng trừ sâu bệnh kết hợp bón phân chăm sóc, tăng cường phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh đảm bảo dinh dưỡng cho cây nuôi quả.

2.4. Trên cây cao su: Kiểm tra vườn thường xuyên, phát hiện và xử lý cây bị bệnh xì mù, loét sọc mặt cạo. Tiến hành bôi thuốc trên mặt cạo và vết xì mù bằng các loại thuốc đặc hiệu.

2.5. Trên cây sắn: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, kịp thời phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá sắn, tập trung diệt trừ bọ phấn môi giới, xử lý cây bị bệnh không để lây lan ra diện rộng. Điều tra theo dõi các đối tượng sâu, bệnh khác như nhện đỏ, rệp sáp bột hồng, bệnh chổi rồng để có biện pháp xử lý hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV vùng khu 4 (B/c);
- Sở NN & PTNT Quảng Trị (B/c);
- Trung tâm Khuyến nông;
- Chi cục trưởng, các PCCT;
- Phòng NN & PTNT, Kinh tế các huyện, thành phố, thị xã;
- Trạm TT&BVTV các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, P.BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Minh Tuấn

TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

STT	Tên SVGH	Mật độ sâu (con/m ²), tỉ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	DTN các loại dịch hại (ha)					So sánh điện tích nhiệm (+/- ha)		Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
		Phổ biến	Nơi cao	Cục bộ		Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mất trắng	Kỳ trước	Cùng kỳ năm trước		
I	Cây lúa (Làm đất - gieo)													
II	Cây Hồ tiêu (Phát triển quả)													
1	Chết chậm	3-10	15-20		1-3	149	123	25	1	0	0	+9	8	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
2	Chết nhanh	1-3			1-3	23	17	6	0	0	0	+1		V.Linh, G.Linh
3	Tuyến trùng	5-10	15-20		1-3	218	200	18	0	0	-15	-115	32	Tr. Phong, C. Lộ, G. Linh, V. Linh, H. Hóa
4	Thán thư	3-5	15-20		1-3	157	132	22	3	0	0	-43	14	Tr. Phong, V. Linh, G.Linh, C. Lộ
5	Đốm lá	5-10	15-20		1	95	76	16	3	0	0	-26		C. Lộ, G. Linh, H. Hóa
6	Rệp sáp	5-10	15		1-3	51	35	11	5	0	0	-62	10	Hướng Hóa
III	Cây cà phê (PT quả)													
1	Khô cành	10-15	60-70		1	745	490	190	65	0	0	-130	80	Hướng Hóa
2	Thán thư	15-20	70		1-3	570	350	160	60	0	0	-167	80	
3	Rệp	5-10	60		1-3	250	180	60	10	0	0	-140	40	
4	gỉ sắt	15-20	50		1-3	370	300	70	0	0	0	-20	60	
IV	Cây cao su (Phát triển thân lá - khai thác)													
1	Loét sọc mặt cạo	5-10	30		1-3	180	148	26	6	0	0	+31	19	C. Lộ, G.Linh, V. Linh
2	Xì mù	5-10	15		1-3	119	101	18	0	0	0	-6	14	Tr. Phong, C. Lộ, G.Linh, V. Linh
V	Cây sắn (Phát triển thân lá)													
1	Khảm lá virus	10-15	50-60			99	64,5	26,5	8	0	0	+38	32	H. Lãng, TX. QTrị, Tr. Phong, G. Linh, V. Linh, Đakrông
2	Bọ phấn	10-20	40-50			15	9	4	2	0	0	+15	0	C. Lộ